# ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIỀN – ĐHQG\_HCM KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN



#### LAB 03 REPORT:

# MÃ HÓA DỮ LIỆU SỬ DỤNG CÁC THUẬT TOÁN MÃ HÓA ĐỐI XỨNG

MÔN: BẢO MẬT CO SỞ DỮ LIỆU

GVHD: PGS. TS Nguyễn Đình Thúc

TS. Trần Ngọc Bảo

ThS. Nguyễn Thị Hường

Sinh viên thực hiện:

Trần Quốc Đỉnh – 20120056

Nguyễn Trí Đức - 20120060

Nguyễn Thế Hiển - 20120078

Nguyễn Vũ Hiếu – 201200478

# Mục lục

I. I	Bảng phân công:	3
II.	Báo cáo:	3
1.	Câu a: Viết script tạo Database QLSVNhom	3
2.	Câu b: Viết script tạo các table:	3
3.	Câu c: Viết các Stored Procedured:	4
4.	Câu d: Viết các Stored Procedure và chương trình (C#)	5
5.	Câu e:Sử dụng SQL Profile để theo dõi thao tác nhập điểm	15
III. I	Link demo:	16
IV.	Tài liệu tham khảo:	16

## I. Bảng phân công:

Mức độ hoàn thành tổng thể: 100%

Họ và tên sinh viên	Phân công	Mức độ hoàn thành
Trần Quốc Đỉnh	Code tất cả giao diện	100%
Nguyễn Trí Đức	Phần chức năng d) ý 5+ câu e)d) ý 1,2,3,4	100%
Nguyễn Thế Hiển	Phần a) b) c)	100%
Nguyễn Vũ Hiếu	Phần chức năng d) ý 1,2,3,4	100%

#### II. Báo cáo:

- 1. Câu a: Viết script tạo Database QLSVNhom
  - Script tạo Database có tên QLSVNhom

# 2. <u>Câu b: Viết script tạo các table:</u>

 Script tạo mới các Table SINHVIEN, NHANVIEN, LOP, HOCPHAN, BANGDIEM

```
-- CAU LENH TAO TABLE
CREATE TABLE SINHVIEN(
    MASV NVARCHAR(20) NOT NULL,
    HOTEN NVARCHAR(100) NOT NULL,
    NGAYSINH DATETIME,
    DIACHI NVARCHAR(200),
                                        ∃CREATE TABLE LOP(
    MALOP VARCHAR(20),
                                           MALOP VARCHAR(20) NOT NULL,
    TENDN NVARCHAR(100) NOT NULL,
                                             TENLOP NVARCHAR(100) NOT NULL,
    MATKHAU VARBINARY(100) NOT NULL,
                                             MANV VARCHAR(20),
    PRIMARY KEY(MASV, TENDN)
                                             PRIMARY KEY(MALOP)
                                         GO
CREATE TABLE NHANVIEN(
    MANV VARCHAR(20) NOT NULL,
                                        ∃CREATE TABLE HOCPHAN(
    HOTEN NVARCHAR(100) NOT NULL,
                                            MAHP VARCHAR(20) NOT NULL,
    EMAIL VARCHAR(20),
                                             TENHP NVARCHAR(100) NOT NULL,
    LUONG VARBINARY(2048),
                                             SOTC INT,
    TENDN NVARCHAR(100) NOT NULL,
    MATKHAU VARBINARY(100) NOT NULL,
                                             PRIMARY KEY(MAHP)
    PUBKEY VARCHAR(20)
    PRIMARY KEY(MANV, TENDN)
                                         GO
                                        ∃CREATE TABLE BANGDIEM(
CREATE TABLE LOP(
                                             MASV VARCHAR(20) NOT NULL,
                                             MAHP VARCHAR(20) NOT NULL,
    MALOP VARCHAR(20) NOT NULL,
    TENLOP NVARCHAR(100) NOT NULL,
                                             DIEMTHI VARBINARY (100),
    MANV VARCHAR(20),
                                             PRIMARY KEY(MASV, MAHP)
    PRIMARY KEY(MALOP)
                                         GO
GO
```

#### 3. Câu c: Viết các Stored Procedured:

• Script tạo Stored procedure SP\_INS\_PUBLIC\_NHANVIEN

```
∃-- CAU LENH TAO STORED PROCEDURE
 -- i) Stored Procedure: SP_INS_PUBLIC_NHANVIEN
 -- Cau lenh tao Master Key
∃IF NOT EXISTS
     SELECT * FROM sys.symmetric_keys WHERE symmetric_key_id = 101
 )
CREATE MASTER KEY ENCRYPTION BY
    PASSWORD = 'abcd12'
 -- Cau lenh tao Public Key RSA 2048
∃IF NOT EXISTS
     SELECT * FROM sys.asymmetric_keys WHERE name = 'NV01'
CREATE ASYMMETRIC KEY NV01
     WITH ALGORITHM = RSA_2048
     ENCRYPTION BY PASSWORD = 'abcd12';
∃IF NOT EXISTS
     SELECT * FROM sys.symmetric_keys WHERE name = 'Prikey'
CREATE SYMMETRIC KEY Prikey
    WITH ALGORITHM = AES 256
     ENCRYPTION BY ASYMMETRIC KEY NV01
```

```
DROP PROCEDURE SP_INS_PUBLIC_NHANVIEN (

DROP PROCEDURE SP_INS_PUBLIC_NHANVIEN (

@MAIN VARCHAR(20),

@HOTEN INVARCHAR(100),

@EMAIL VARCHAR(20),

@LUONGCB INT,

@TENDN INVARCHAR(100),

@MK INVARCHAR(100),

@MK INVARCHAR(50)

AS

BEGIN

INSERT INTO NHANVIEN (MANV, HOTEN, EMAIL, LUONG, TENDN, MATKHAU, PUBKEY)

VALUES (@MAINV, @HOTEN, @EMAIL, ENCRYPTBYASYMKEY(ASYMKEY_ID('INV01'), CONVERT(VARBINARY(2048), @LUONGCB)), @TENDN, HASHBYTES ('SHA1', @MK), CONVERT(VARCHAR(20), @HOTEN));

GO

DEXEC SP_INS_PUBLIC_NHANVIEN 'NV01', 'NGUYEN VAN A', 'NVA@', 3000000, 'INVA', 'abcd12';
```

• Kết quả thực thi procedure SP\_INS\_PUBLIC\_NHANVIEN: thành công

Kiểm tra thông qua câu lệnh Select \* from NHANVIEN;



• Script tao Stored procedure SP\_SEL\_PUBLIC\_NHANVIEN

```
-- ii) Stored Procedure: SP_SEL_PUBLIC_NHANVIEN

=IF OBJECT_ID('dbo.SP_SEL_PUBLIC_NHANVIEN','P') IS NOT NULL

DROP PROCEDURE SP_SEL_PUBLIC_NHANVIEN

GO

=CREATE PROCEDURE SP_SEL_PUBLIC_NHANVIEN(

@TENDN NVARCHAR(100),

@MK NVARCHAR(50)

)

AS

=BEGIN

OPEN SYMMETRIC KEY Prikey

DECRYPTION BY ASYMMETRIC KEY NV01 WITH PASSWORD = 'abcd12'

SELECT NV.MANV, NV.HOTEN, NV.EMAIL,CONVERT(INT, DECRYPTBYASYMKEY(ASYMKEY_ID('NV01'),NV.LUONG,@MK)) as LUONGCB FROM NHANVIEN AS NV

CLOSE SYMMETRIC KEY Prikey

END

GO

EXEC SP_SEL_PUBLIC_NHANVIEN 'NV01', 'abcd12';
```

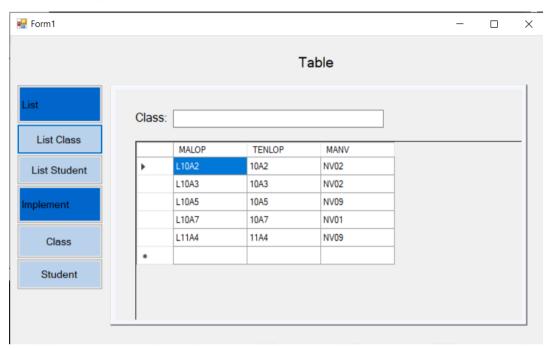
• Kết quả thực thi procedure SP\_SEL\_PUBLIC\_NHANVIEN: thành công

		HOTEN	EMAIL	LUONGCB
1	NV01	NGUYEN VAN A	NVA@	3000000

4. Câu d: Viết các Stored Procedure và chương trình (C#)

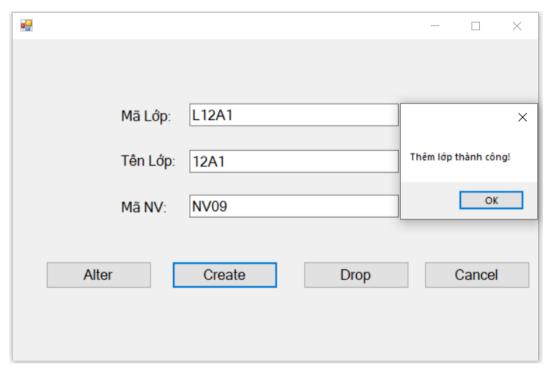
## Thêm xóa sửa danh sách lớp:

# ❖ Danh sách lớp ban đầu

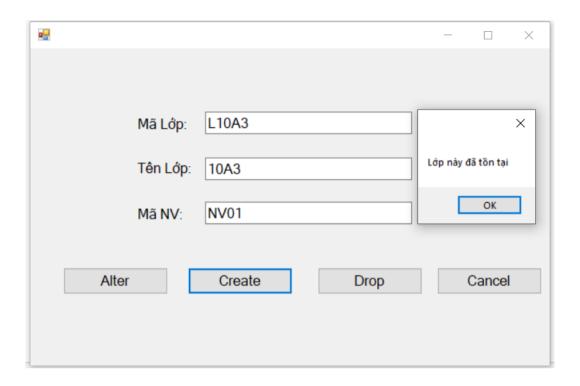


## ❖ Thêm lớp

-TH thêm lớp thành công



-TH thêm lớp thất bại

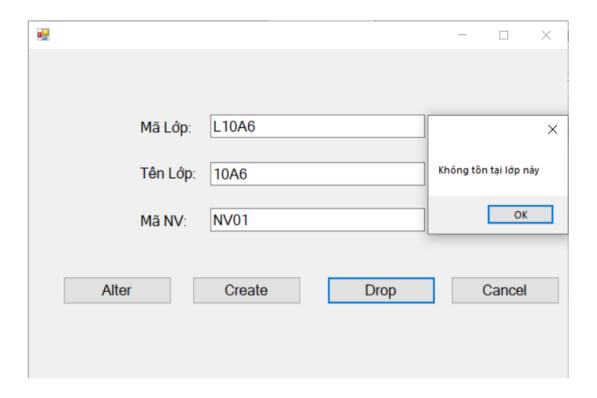


# ❖ Xóa lớp

-TH xóa lớp thành công

<b>!!!</b>		-
Mã Lớp:	L10A7	×
Tên Lớp:	10A7	Xóa lớp thành công!
		ОК
Mã NV:	NV01	
Alter	Create Drop	Cancel

-TH xóa lớp thất bại



# Sửa lớp

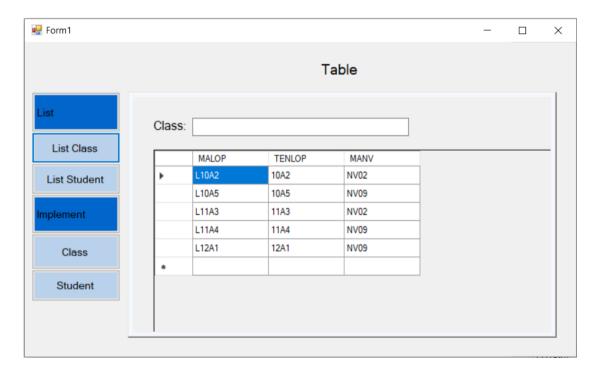
-TH sửa lớp thành công

<b>!!!</b>		-
Mã Lớp:	L10A3	Tîm kiếm
Mã Lớp:	L11A3	× X
Tên Lớp:	11A3	Sửa lớp thành công!
Mã NV:	NV02	OK
	OK	Cancel

-TH sửa lớp thất bại

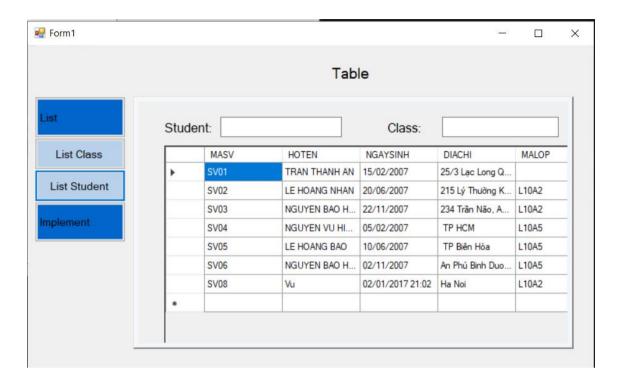
₩.		- 🗆 ×
Mã Lớp:	L11A4	Tìm kiếm
Mã Lớp:	L11A3	×
Tên Lớp:	11A4	Lớp này đã tồn tại!
Mã NV:	NV09	ОК
	ОК	Cancel

# ❖ Kết quả danh sách lớp



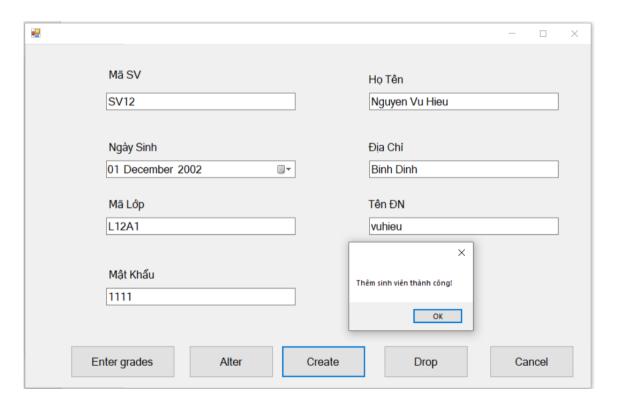
Thêm xóa sửa sinh viên (NV09 quản lý lớp L10A5, L11A4, L12A1)

❖ Danh sách sinh viên ban đầu

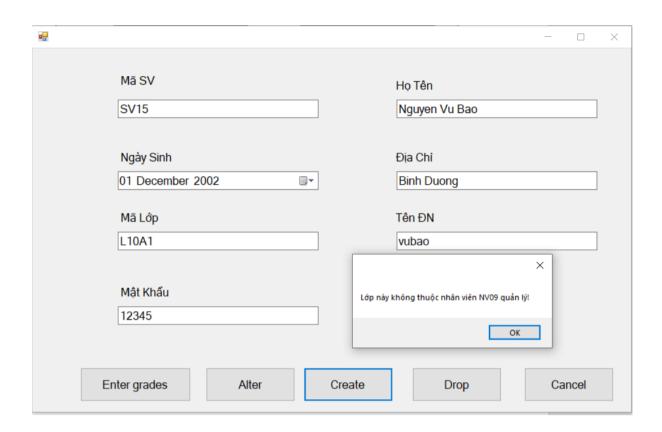


#### **♦** Thêm sinh viên

-TH thêm sinh viên thành công

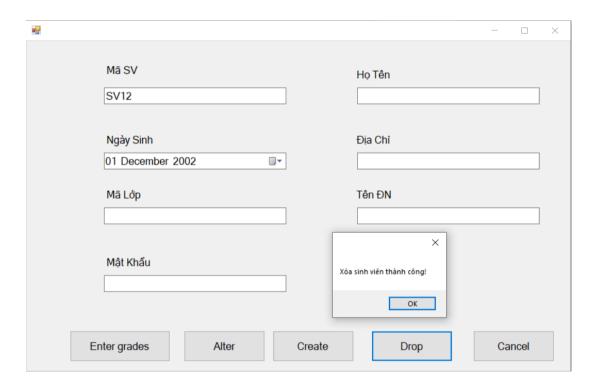


-TH thêm sinh viên thất bại (lớp L10A1 không thuộc nhân viên NV09 quản lý)

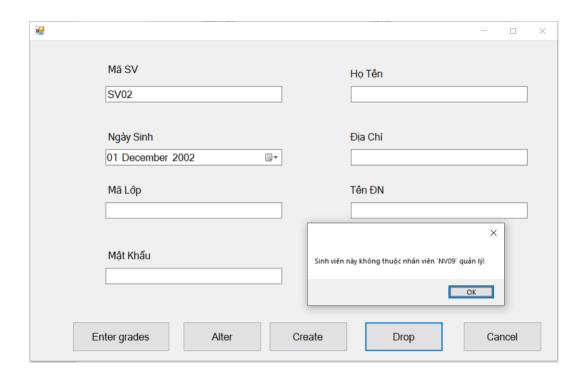


## **❖** Xóa sinh viên

-TH xóa sinh viên thành công



-TH xóa sinh viên thất bại(sinh viên SV02 không thuộc nhân viên NV09 quản lý)



# ❖ Sửa sinh viên

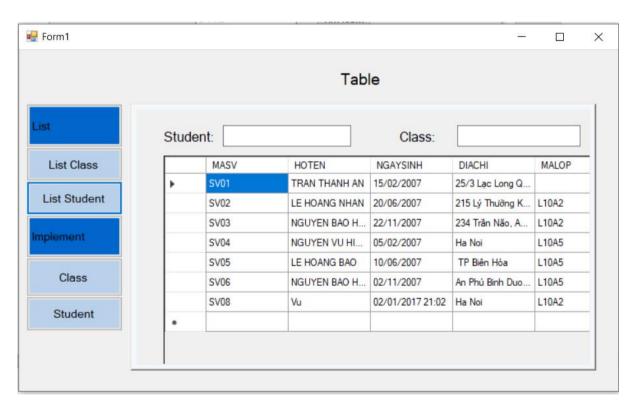
-TH sửa sinh viên thành công

			- 🗆 X
	Mã SV: SV04	Tîm	n kiếm
Mã SV:	SV04	Họ Tên:	NGUYEN VU HIEU
Ngày Sinh:	05 February 2007	Địa Chỉ:	Ha Noi
Mã Lớp:	L10A5	Tên DN:	NVH
Mật Khẩu:	******		X Sửa sinh viên thành công!
		OK	OK OK

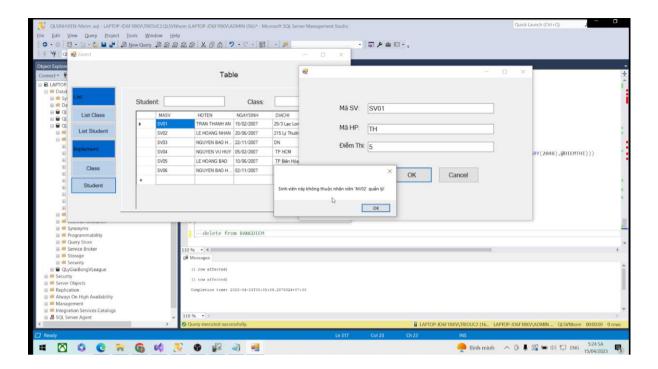
-TH sửa sinh viên thất bại

				1 ×
	Mã SV: SV02	Tîm	kiếm	
Mã SV:	SV02	Họ Tên:	E HOANG NHAN	
Ngày Sinh:	20 June 2007 🖫 🔻	Địa Chỉ: 2	15 Lý Thường Kiệt, TP B	iên
Mã Lớp:	L10A2	Tên DN:	HN113	
Mật Khẩu:	******			×
	OK		Sinh viên này không thuộc ni	hân viên 'NV09' quản lý!
III SUU SIIII V	CII tilat sqi			OK

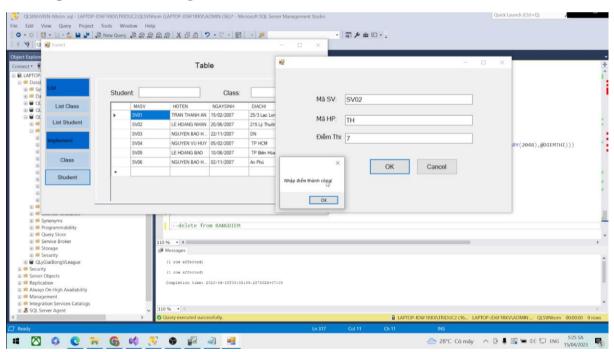
❖ Kết quả danh sách sinh viên



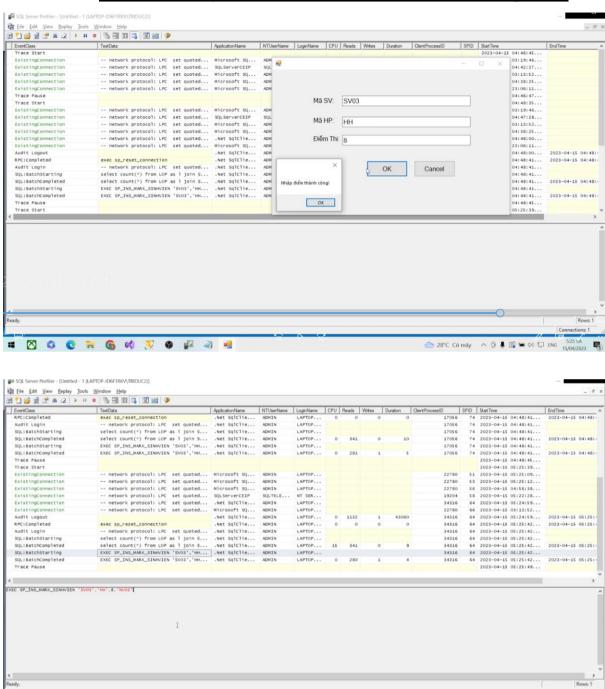
- ♦ Nhập điểm cho sinh viên:
- Nhập điểm thất bại:



- Nhập điểm thành công:

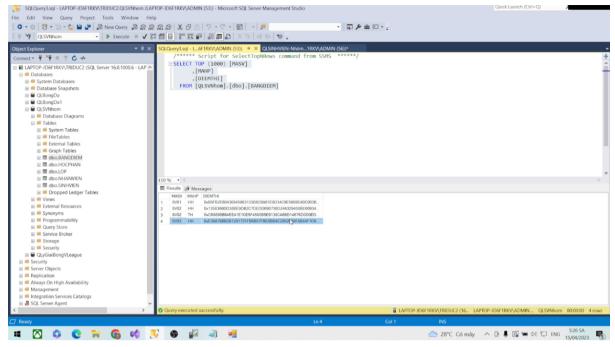


# 5. Câu e:Sử dụng SQL Profile để theo dõi thao tác nhập điểm



# 🔼 G C 📅 G 📢 🎊 😉 🛍 🧿 😼

28°C Có mây ∧ ⊕ ♣ ☑ to 0) □ ENG 5:25 SA 15/04/2023



#### Nhân xét:

- Dữ liệu từ phía Client sau khi thực hiện thao tác nhập điểm sẽ được truyền về phía sever dưới dạng bản rõ
- Sau khi về Server dữ liêu sẽ được mã hóa rồi lưu vào Database
- Nếu là nhân viên không quản lý sinh viên vừa được nhập điểm ( không có khóa giải mã) thì khi truy suất vào Database sẽ chỉ thấy điểm sau khi mã hóa.
- Chỉ có nhân viên quản lý của sinh viên vừa được thêm điểm và người quản trị (Database Admin của Server QLSVNhom), nhân viên quản lý dùng Private Key của bản thân để giải mã điểm, người quản trị dùng SQL Profiler để theo dõi.
- Do đó dữ liệu sẽ không được bảo mật đối với người quản trị.

# III. Link demo:

https://youtu.be/p4ghJk9c3u4

# IV. Tài liệu tham khảo:

https://www.youtube.com/watch?v=yPAIXk0yc1Q&list=PL1DKVSBS4q917wpJFVx1ZCeG-LU8Sn6vB&index=14

- Tài liệu thực hành Lab3 môn BM CSDL.